TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **125**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2019.
V/v: *"Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Chí Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc "Xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều Q**, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 1, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lữ Minh T**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 113/5 đường Phùng Hưng, khu phố 3, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều Q trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kiều Q và ông Lữ Minh T tự nguyện đi đến hôn nhân, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/4/2010. Sau khi kết

hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2015 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân từ tháng 12/2015 cho đến nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều Q xác nhận giữa bà và ông Lữ Minh T quá trình chung sống có 02 người con chung tên Lữ Thị Thùy T, sinh ngày 10/9/2004 và Lữ Thị Thùy Tr, sinh ngày 07/10/2007, hiện nay 02 con đang sống cùng với ông T. Bà Q đồng ý giao 02 người con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà Q không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Lữ Minh T. Đồng ý giao 02 người con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Xác nhận không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lữ Minh T vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Kiều Q khởi kiện xin ly hôn với ông Lữ Minh T có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ số 113/5 đường Phùng Hưng, khu phố 3, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điêm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Lữ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Kiều Q và ông Lữ Minh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/4/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Q khởi kiện ly hôn ông T với lý do: Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chồng tình cảm vợ

chồng không còn quan tâm đến nhau. Bà Q và ông T đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên cũng đã sống ly thân từ tháng 12/2015 đến nay.

Bị đơn ông Lữ Minh T đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do bà Q cung cấp. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông T đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà Q xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều Q.

[4] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Kiều Q xác định bà và ông T có 02 người con chung tên Lữ Thị Thùy T, sinh ngày 10/9/2004 và Lữ Thị Thùy Tr, sinh ngày 07/10/2007, hiện nay 02 con đang sống cùng với ông T, bà Q đồng ý giao 02 con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy các con chung đang sống cùng với ông T, nên cần thiết giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của bà Nguyễn Thị Kiều Q.

Bà Nguyễn Thị Kiều Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà Q thực hiện các quyền và nghĩa vụ này.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị Kiều Q không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, ông Lữ Minh T cũng không có ý kiến yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này. Nếu trong quá trình nuôi dưỡng con chung, ông T có yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Kiều Q xác định không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Lữ Minh T cũng không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Kiều Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007255 ngày

12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị Kiều Q đã nộp đủ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều Q được ly hôn với ông Lữ Minh T.

2. Về con chung*:* Giao 02 con chung tên Lữ Thị Thùy T, sinh ngày 10/9/2004 và Lữ Thị Thùy Tr, sinh ngày 07/10/2007 cho ông Lữ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, cũng là phù hợp nguyện vọng của 02 người con chung.

Nếu sau này, trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, ông Lữ Minh T gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều Q cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trong trường hợp ông T không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kiều Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà Q thực hiện các quyền và nghĩa vụ này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều Q xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết hiện nay không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu ông Lữ Minh T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí : Bà Nguyễn Thị Kiều Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007255 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị Kiều Q đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/11/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh